

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHỤNG HIỆP  
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số:135/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 9 - 2022

V/v “Ly hôn, Tranh chấp về cấp  
dưỡng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Liêm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Quyền;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Loan.

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 433/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2022 về việc “*Tranh chấp Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2022/QĐXXST-HN, ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** **Lê Mỹ L**, sinh năm 1990.

*Địa chỉ:* ấp 4, xã H, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

*Chỗ ở (Địa chỉ liên hệ):* ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**2. Bị đơn:** **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1987.

*Địa chỉ:* ấp 4, xã H, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Lê Mỹ L (Sau đây gọi chị L) trình bày:*

Giữa chị và bị đơn Nguyễn Văn N (Sau đây gọi anh N) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống nên hay cãi vã nhau trong cuộc sống, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân từ năm 2016. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh N.

-Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn Chí T (Nam), sinh ngày 17 tháng 8 năm 2010 và Nguyễn Chí N (Nam), sinh ngày 27 tháng 5 năm 2013. Từ khi ly thân đến nay thì cả hai con chung đều sống với chồng chị, khi ly hôn chị đồng ý để chồng chị tiếp tục nuôi hai con chung, chị tự nguyện cấp dưỡng cho anh Ngốc tiền nuôi con chung 1.000.000 đồng/ 01 cháu/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

*Tại biên bản ghi lời khai ngày 08 tháng 8 năm 2022, Nguyễn Văn N trình bày:* Anh và vợ anh chung sống vào năm 2009, có đăng ký kết hôn. Chung sống đến năm 2018 thì vợ anh có tình cảm với người khác bên ngoài nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay vợ anh xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung có hai cháu, từ khi ly thân đến nay thì các con chung do anh nuôi dưỡng, nay ly hôn anh yêu cầu tiếp tục được nuôi con, yêu cầu vợ anh có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định. Về tài sản và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

*Tại biên các bản ghi lời khai ngày 08 tháng 8 năm 2022, các cháu Nguyễn Chí T và Nguyễn Chí N trình bày (Có anh Nguyễn Văn N chứng kiến):* Các cháu đều có nguyện vọng sống với cha.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn; giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng, nguyên đơn cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.000.000 đồng/ 01 cháu/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; về nợ và tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự Ly hôn và Tranh chấp về cấp dưỡng được quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị L và anh N đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh N qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 12 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L: Chị và anh N trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà chọn cách sống ly thân, xét thời gian ly thân đã lâu thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai. Chị và anh N đều có lời trình bày là sống không hạnh phúc nên đồng ý ly hôn; từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Do các đương sự đều vắng mặt nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[5] Về con chung: Chị L và anh N có hai người con chung. Xét các cháu từ khi ly thân đến nay là do anh Ngốc nuôi dưỡng, chị L cũng đồng ý để anh N tiếp tục nuôi dưỡng, cả hai cháu T và cháu N đều có nguyện vọng được sống với cha. Nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của các cháu, cần tiếp tục giao các cháu cho anh N nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị L, anh N có yêu cầu khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Ngốc có yêu cầu chị Linh cấp dưỡng tiền nuôi hia con chung. Chị L tự nguyện cấp dưỡng cho anh N tiền nuôi con chung là 1.000.000 đồng/ 01 cháu/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

[7] Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận;  
Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Mỹ L và anh Nguyễn Văn N.
2. Về nuôi con chung: Giao các cháu Nguyễn Chí T (Nam), sinh ngày 17 tháng 8 năm 2010 và Nguyễn Chí N (Nam), sinh ngày 27 tháng 5 năm 2013 cho anh Nguyễn Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị L, anh N có yêu cầu khác.
3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Lê Mỹ L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh Nguyễn Văn N tiền nuôi hai con chung là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/02 cháu /01 tháng (Tức là 1.000.000 đồng/01 cháu /01 tháng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.  
Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho Lê Mỹ L mà không ai có quyền cản trở.
4. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu, không xem xét.
5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Mỹ L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008294, ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí và phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND xã H,
- h. H, t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thanh Liêm**